

Số: 425/QĐ- LĐLĐ

Lai Châu, ngày 18 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế khen thưởng
của Liên đoàn Lao động tỉnh Lai Châu

BAN THƯỜNG VỤ LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH LAI CHÂU

- Căn cứ Luật thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Công đoàn và Điều lệ Công đoàn Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-TLĐ, ngày 12/11/2019 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc ban hành Quy chế Khen thưởng của tổ chức Công đoàn;
- Căn cứ Quyết định số 15-QĐ/ĐĐ ngày 11/8/2020 của Đảng đoàn LĐLĐ tỉnh về việc bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, người lao động cơ quan LĐLĐ tỉnh;

Xét đề nghị của Ban Chính sách pháp luật và Quan hệ lao động Liên đoàn Lao động tỉnh Lai Châu,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế khen thưởng của Liên đoàn Lao động tỉnh Lai Châu”.

Điều 2. Quyết định này thay thế quyết định 316/QĐ-LĐLĐ, ngày 10/02/2020 của Ban thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh về việc ban hành Quy chế khen thưởng của Liên đoàn Lao động tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cán bộ, đoàn viên Công đoàn, Liên đoàn Lao động các huyện, thành phố, công đoàn ngành, Công đoàn Viên chức, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Đoàn Chủ tịch TLĐ;
 - TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
 - Ban TĐKT tỉnh;
 - Ban Dân vận Tỉnh ủy;
 - Ban CSKTXH & TĐKT TLĐ;
 - LĐLĐ huyện, thành phố, CĐN, CĐCS trực thuộc;
 - Các ban LĐLĐ tỉnh;
 - Lưu: VT, CSPL&QHLD.
- (b/c)

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thiện

QUY CHẾ

Khen thưởng của Liên đoàn Lao động tỉnh Lai Châu

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 425/QĐ - LĐLĐ ngày 18 tháng 08 năm 2020)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng của tổ chức Công đoàn; tiêu chuẩn danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Nhà nước áp dụng trong bình xét khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc hệ thống Công đoàn; Hội đồng thi đua khen thưởng các cấp; thẩm quyền quyết định, trình tự thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng; quỹ thi đua khen thưởng và quản lý quỹ thi đua khen thưởng trong tổ chức Công đoàn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng với tất cả đoàn viên Công đoàn, cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, lao động và Công đoàn các cấp trong tỉnh; các công đoàn cơ sở trực thuộc và người có công xây dựng đóng góp cho tổ chức Công đoàn trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Phát động thi đua, đăng ký thi đua

Hàng năm các cấp Công đoàn tổ chức phát động thi đua, ký kết giao ước thi đua, đăng ký thi đua và gửi bản đăng ký thi đua về Công đoàn cấp trên trực tiếp.

Liên đoàn Lao động các huyện, thành phố; Công đoàn ngành, Công đoàn Viên chức gửi bản đăng ký thi đua về Liên đoàn Lao động tỉnh trước ngày 15/2 hằng năm.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ để xét khen thưởng

1. Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cho công đoàn cơ sở nhất là khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước, cá nhân không giữ chức vụ lãnh đạo là người trực tiếp lao động, sản xuất và cá nhân có nhiều sáng kiến, sáng tạo trong lao động, sản xuất, công tác.

2. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

3. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng và thành tích ngang nhau thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung.

4. Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được, trong một năm công tác, một đối tượng có thể được nhiều cấp ra quyết định khen thưởng với các danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng khác nhau, nhưng trong một cấp quyết định khen thưởng khi đã được khen thưởng toàn diện thì không được khen thưởng chuyên đề và ngược lại, (trừ khen thưởng vào dịp sơ kết, tổng kết chuyên đề theo đợt, theo giai đoạn). Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng mức cao hơn mà chỉ được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

5. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

Chương II

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 5. Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua của Công đoàn gồm có:

1.1 Danh hiệu thi đua đối với cá nhân: “Đoàn viên Công đoàn xuất sắc”;

1.2 Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

a) “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn”;

b) “Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh”;

c) “Công đoàn cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”;

d) “Tổ Công đoàn xuất sắc”, “Công đoàn bộ phận xuất sắc”.

2. Danh hiệu vinh dự và danh hiệu thi đua của Nhà nước áp dụng bình xét khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng trong tổ chức Công đoàn.

2.1. Danh hiệu vinh dự Nhà nước đối với tập thể, cá nhân:

a) “Anh hùng Lao động”;

b) “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”;

c) “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”;

d) “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;

e) “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”.

2.2. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

- a) “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”;
- b) “Chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn”;
- c) “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;
- d) “Lao động tiên tiến”;

2.3. Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- a) “Cờ thi đua của Chính phủ”;
- b) “Tập thể lao động xuất sắc”;
- c) “Tập thể lao động tiên tiến”.

Điều 6. Các hình thức khen thưởng

1. Hình thức khen thưởng của tổ chức Công đoàn gồm có:

1.1. Bằng khen của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (sau đây gọi là Bằng khen của Tổng Liên đoàn);

1.2. Bằng khen của Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh (sau đây gọi là Bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh);

1.3. Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (sau đây gọi là Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn”;

1.4. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn”;

1.5. Giấy khen của Ban Chấp hành Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, Công đoàn cơ sở;

1.6. “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh” của Tổng Liên đoàn;

1.7. “Giải thưởng Nguyễn Văn Linh” của Tổng Liên đoàn;

1.8. Giải thưởng của Liên đoàn Lao động tỉnh.

2. Hình thức khen thưởng của Nhà nước áp dụng bình xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng trong tổ chức Công đoàn.

2.1. Huân chương;

2.2. Huy chương;

2.3. Danh hiệu vinh dự nhà nước;

2.4. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”;

2.5. Kỷ niệm chương, Huy hiệu;

2.6. Bằng khen;

2.7. Giấy khen.

Chương III

KHEN THƯỞNG CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Mục 1

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 7. Danh hiệu “Đoàn viên Công đoàn xuất sắc”

Danh hiệu “Đoàn viên Công đoàn xuất sắc” xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Thực hiện tốt các nhiệm vụ của đoàn viên quy định tại Điều lệ Công đoàn Việt Nam;
2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
3. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, qui định của cơ quan, đơn vị.

Điều 8. Danh hiệu “Tổ Công đoàn xuất sắc”

Danh hiệu “Tổ Công đoàn xuất sắc” xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được Công đoàn giao;
2. Tích cực tham gia các phong trào thi đua do Công đoàn phát động;
3. Kịp thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng và những đề xuất, kiến nghị của đoàn viên và người lao động với chuyên môn đồng cấp và Công đoàn cấp trên;
4. Giữ vững sinh hoạt, nội bộ đoàn kết, giúp nhau khi gặp khó khăn; không có đoàn viên vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Công đoàn, cơ quan, đơn vị.

Điều 9. Danh hiệu “Công đoàn cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”

Danh hiệu “Công đoàn cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” xét tặng cho Công đoàn cơ sở đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
2. Có thỏa ước lao động tập thể (đối với CĐCS doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập); có các quy chế dân chủ ở cơ sở; có tập hợp ý kiến đoàn viên kiến nghị với cơ quan chức năng Nhà nước (hoặc thông qua công đoàn cấp trên) tạo điều kiện, cơ chế phù hợp, thuận lợi cho đoàn viên, người lao động có việc làm, nâng cao thu nhập.
3. Không xảy ra ngừng việc tập thể hoặc đình công trái pháp luật;
4. Không có tai nạn lao động chết người tại nơi làm việc do lỗi chủ quan;
5. Không có đoàn viên, cán bộ công chức, viên chức là cán bộ chủ chốt vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

Điều 10. Danh hiệu “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn” xét tặng cho Công đoàn cơ sở có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được lựa chọn trong số những Công đoàn cơ sở đạt danh hiệu “Công đoàn cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”;

Số Công đoàn cơ sở được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn” không quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng số Công đoàn cơ sở được tặng “Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh”.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn” xét tặng cho Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có thành tích xuất sắc, được bình chọn suy tôn dẫn đầu các Khối thi đua do LĐLĐ tỉnh tổ chức.

Đối với Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, Công đoàn cơ sở tiêu biểu xuất sắc nhất, được Liên đoàn Lao động tỉnh lựa chọn đề nghị Tổng Liên đoàn tặng Cờ thi đua thì không được tặng Cờ thi đua của LĐLĐ tỉnh mà chỉ ban hành Quyết định công nhận đủ tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của LĐLĐ tỉnh.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn” xét tặng cho công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và CĐCS:

3.1. Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; được bình chọn suy tôn dẫn đầu trong các Khối thi đua do Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức.

3.2. Đã được Tổng Liên đoàn tặng Bằng khen hoặc LĐLĐ tỉnh tặng Cờ thi đua năm trước liền kề thời điểm đề nghị tặng danh hiệu Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn.

3.3. Thực hiện tốt công tác xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến.

Điều 11. Danh hiệu “Cờ thi đua chuyên đề của Tổng Liên đoàn”

1. Các chuyên đề xét khen thưởng cờ thi đua hàng năm của Tổng Liên đoàn gồm: Chuyên đề “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”, “Văn hoá, Thể thao”, “Giỏi việc nước, Đảm việc nhà” và các chuyên đề khác theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Đối tượng được xét tặng Danh hiệu “Cờ thi đua chuyên đề của Tổng Liên đoàn” hàng năm gồm: Công đoàn cơ sở; Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

Điều 12. Danh hiệu “Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh”.

1. Danh hiệu Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh được xét tặng hàng năm cho Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, Công đoàn cơ sở tiêu biểu xuất sắc:

- Danh hiệu Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh xét tặng cho Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao; đạt từ 95 điểm trở lên, được lựa chọn suy tôn dẫn đầu xuất sắc trong các Khối thi đua do Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức.

- Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh xét tặng cho Công đoàn cơ sở hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao; đạt từ 95 điểm trở lên, có thành tích xuất sắc, tiêu biểu được lựa chọn suy tôn từ phong trào thi đua do công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở tổ chức.

2. Danh hiệu cờ thi đua chuyên đề, Ban thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh ban hành Hướng dẫn riêng quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, hồ sơ, số lượng đề nghị tặng Danh hiệu Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn và Liên đoàn Lao động tỉnh đối với từng chuyên đề.

Mục 2
ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN
XÉT TẶNG CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 13. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn”
Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn ban hành hướng dẫn riêng về xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn”.

Điều 14. Bằng khen của Tổng Liên đoàn

1. Bằng khen của Tổng Liên đoàn xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1.1. Hai năm liên tục (tính cả năm đề nghị khen thưởng) hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

1.2. Năm trước liền kề thời điểm đề nghị khen thưởng Bằng khen của Tổng Liên đoàn đã được tặng Bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh.

2. Bằng khen của Tổng Liên đoàn xét tặng cho công nhân, lao động xuất sắc tiêu biểu trong số công nhân, lao động có 02 năm liên tục đạt danh hiệu đoàn viên Công đoàn xuất sắc, năm trước liền kề thời điểm đề nghị khen thưởng Bằng khen của Tổng Liên đoàn đã được tặng Bằng khen của LĐLĐ tỉnh hoặc được tặng Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn.

3. Bằng khen của Tổng Liên đoàn xét tặng cho tập thể từ Công đoàn cơ sở trở lên đạt các tiêu chuẩn sau:

3.1. Chấp hành tốt Điều lệ Công đoàn Việt Nam, Nghị quyết của Công đoàn; chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết;

3.2. Hai năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ (đạt từ 81 điểm trở lên tính cả năm đề nghị khen thưởng); tổ chức tốt các phong trào thi đua, thực hiện tốt chức năng đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động; chăm lo tốt phúc lợi cho đoàn viên và người lao động;

3.3. Năm trước liền kề thời điểm đề nghị khen thưởng Bằng khen của Tổng Liên đoàn đã được tặng Bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh và năm đề nghị khen thưởng được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Điều 15. Bằng khen chuyên đề của Tổng Liên đoàn

1. Các chuyên đề được xét tặng Bằng khen của Tổng Liên đoàn hàng năm gồm: Chuyên đề “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”, “Văn hoá, Thể thao”, “Giỏi việc nước, Đảm việc nhà” và các chuyên đề khác theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Đối tượng được xét tặng Bằng khen chuyên đề hàng năm gồm: Công đoàn cơ sở và cá nhân thuộc các đơn vị này.

Điều 16. Bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh

1. Bằng khen của Liên đoàn tỉnh xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1.1. Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn, là gương điển hình trong công nhân, viên chức, lao động của đơn vị, ngành, địa phương.

1.2. Hai năm liên tục (tính cả năm đề nghị khen thưởng) hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt danh hiệu “Đoàn viên Công đoàn xuất sắc”; đã được tặng Giấy khen của Công đoàn cấp đề nghị.

2. Bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh xét tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

2.1. Đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn do Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức;

2.2. Năm trước thời điểm đề nghị khen thưởng đã được tặng Giấy khen và năm đề nghị khen thưởng tập thể Công đoàn được đánh giá chất lượng hoạt động Công đoàn loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (đạt từ 81 điểm trở lên).

3. Bằng khen các chuyên đề, Ban thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh sẽ ban hành Hướng dẫn riêng quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, hồ sơ, số lượng đề nghị tặng bằng khen của Tổng Liên đoàn và Liên đoàn Lao động tỉnh đối với từng chuyên đề.

*. Liên đoàn Lao động tỉnh khuyến khích, các cấp Công đoàn xét, đề nghị Tổng Liên đoàn, Liên đoàn Lao động tỉnh tặng Bằng khen cho công nhân, lao động trực tiếp sản xuất, cán bộ công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, khen đột xuất và tổ chức các hoạt động tôn vinh trang trọng, thiết thực, nhưng vẫn phải đảm bảo thành tích, tiêu chuẩn và số lượng theo quy định của Tổng Liên đoàn.

Điều 17. Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn

Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn được xét tặng hàng năm cho cá nhân là đoàn viên Công đoàn thực hiện tốt các nhiệm vụ của đoàn viên và có đề tài khoa học cấp cơ sở, sáng kiến (gọi tắt là giải pháp) được ứng dụng vào thực tế mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực được cấp có thẩm quyền công nhận và giá trị làm lợi tính theo từng đối tượng cụ thể sau:

1. Đối với đoàn viên là công nhân, viên chức, lao động có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở xuống, không giữ chức vụ lãnh đạo, có từ 01 giải pháp trở lên với tổng giá trị làm lợi từ 80 triệu đồng trở lên hoặc 03 năm liên tục có giải pháp, sáng kiến với tổng giá trị làm lợi từ 120 triệu đồng trở lên;

2. Đối với đoàn viên là cán bộ, công chức, viên chức, lao động có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên, không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, có từ 01 giải pháp trở lên với tổng giá trị làm lợi từ 150 triệu đồng trở lên;

3. Đối với đoàn viên là cán bộ lãnh đạo quản lý (giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có phụ cấp từ 0,3 trở lên đối với đơn vị hành chính, sự nghiệp và giữ chức vụ Giám

độc, Phó Giám đốc doanh nghiệp và tương đương trở lên đối với các loại hình doanh nghiệp) có từ 01 giải pháp trở lên với tổng giá trị làm lợi từ 200 triệu đồng trở lên hoặc có giải pháp cải tiến quản lý về tổ chức sản xuất áp dụng vào thực tế mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao được cấp tỉnh, bộ, ngành Trung ương công nhận.

4. Đối với những Đề tài khoa học cấp tỉnh, Bộ có nhiều thành viên tham gia sau khi được nghiệm thu và ứng dụng vào thực tế mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi ứng dụng đề tài khoa học đó xác nhận thì tác giả là Chủ nhiệm đề tài và thành viên có mức đóng góp trên 60% cho đề tài được xem xét đề nghị khen thưởng.

5. Đối với những đề tài khoa học cấp Nhà nước có nhiều thành viên tham gia sau khi được nghiệm thu và được ứng dụng vào thực tế mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi ứng dụng đề tài khoa học đó xác nhận thì tác giả là Chủ nhiệm đề tài và thành viên có mức đóng góp từ 50% trở lên cho đề tài được xem xét đề nghị khen thưởng.

6. Đối với đề tài lớn phải nghiên cứu nhiều năm hoặc phải chia làm nhiều đề tài nhánh, nếu đề tài nhánh được nghiệm thu đạt kết quả xuất sắc và mức độ đóng góp trên 30% cho đề tài lớn thì tác giả là chủ nhiệm đề tài nhánh cũng được xem xét đề nghị khen thưởng.

7. Có giải pháp công nghệ dự thi tại các cuộc thi khu vực và quốc tế, hội thi quốc gia hoặc hội thi cấp tỉnh, bộ, ngành Trung ương và đạt giải nhất, nhì, ba hoặc giải A, B, C trong các hội thi đó (*nếu giải pháp có từ 02 tác giả trở lên thì chỉ xét khen thưởng cho 01 cá nhân có tỷ lệ đóng góp cao nhất*).

8. Đối với các sáng kiến ở các đơn vị không xác định được cụ thể giá trị làm lợi nhưng đã được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, phạm vi ảnh hưởng rộng đến cấp tỉnh, thành phố, ngành Trung ương, được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi ứng dụng xác nhận hoặc cơ quan quản lý khoa học công nghệ của tỉnh, Bộ xác nhận thì tác giả của các sáng kiến đó được xem xét đề nghị khen thưởng.

Điều 18. Giải thưởng

1. “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh” của Tổng Liên đoàn:

1.1. “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh” phần thưởng cao quý của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được xét, trao tặng cho công nhân, lao động trực tiếp sản xuất tại các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có thành tích xuất sắc tiêu biểu nhất trong lao động sản xuất; có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật; tích cực đào tạo, kèm cặp, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ góp phần xây dựng doanh nghiệp, đơn vị phát triển bền vững, xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn vững mạnh.

1.2. “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh” được tổ chức trao tặng 5 năm 1 lần vào dịp “Tháng Công nhân” của năm tổ chức Đại hội Công đoàn Việt Nam.

1.3. Một cá nhân chỉ được trao tặng Giải thưởng 01 lần.

1.4. Năm tổ chức trao tặng “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh”, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn ban hành hướng dẫn riêng về xét, trao tặng “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh”.

2. “Giải thưởng Nguyễn Văn Linh” của Tổng Liên đoàn:

2.1. “Giải thưởng Nguyễn Văn Linh” phần thưởng cao quý của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được xét, trao tặng cho cán bộ công đoàn các cấp có thành tích đặc biệt xuất sắc, có sáng kiến, sáng tạo trong hoạt động Công đoàn góp phần xây dựng tổ chức Công đoàn và xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh;

2.2. “Giải thưởng Nguyễn Văn Linh” được tổ chức trao tặng hàng năm vào dịp kỷ niệm Ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7) hoặc vào dịp khác do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quyết định;

2.3. Một cá nhân chỉ được trao tặng Giải thưởng 01 lần;

2.4. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn ban hành hướng dẫn riêng về việc xét, trao tặng “Giải thưởng Nguyễn Văn Linh”.

Điều 19. Giấy khen

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1.1. Hoàn thành tốt các nhiệm vụ của đoàn viên quy định tại Điều lệ Công đoàn Việt Nam;

1.2. Là điển hình xuất sắc tiêu biểu của Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở; Công đoàn cơ sở; đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc tổ chức Công đoàn.

2. Giấy khen để tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

2.1. Hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Công đoàn được quy định tại Điều lệ Công đoàn Việt Nam;

2.2. Là tập thể xuất sắc tiêu biểu của Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở; Công đoàn cơ sở; đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc tổ chức Công đoàn tỉnh Lai Châu.

Mục 3

KHỐI THI ĐUA

Điều 20. Khối thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh

1. Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh quyết định thành lập các Khối thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh.

2. Khối thi đua có nhiệm vụ:

2.1. Hàng năm Khối thi đua xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động, nội dung thi đua và tiêu chí chấm điểm; tổ chức phát động thi đua, ký kết giao

ước thi đua giữa các đơn vị trong Khối và đăng ký thi đua theo quy định của Liên đoàn Lao động tỉnh;

2.2. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện nội dung giao ước thi đua giữa các đơn vị trong Khối; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định;

2.3. Tổ chức kiểm tra chéo giữa các đơn vị thành viên trong Khối để làm cơ sở chấm điểm và bình xét khen thưởng hàng năm;

2.4. Các Khối thi đua tổ chức Hội nghị sơ kết vào tháng 7 và Tổng kết trước ngày 25/12 hàng năm để đánh giá kết quả phong trào thi đua của các đơn vị trong Khối thi đua; chấm điểm, bình xét thi đua và đề nghị danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hàng năm;

3. Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh ban hành hướng dẫn riêng về hoạt động của Khối thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh.

Điều 21. Khối thi đua của Công đoàn cấp trên trực tiếp

1. Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện, thành phố; Công đoàn ngành, Công đoàn viên chức quyết định thành lập Khối thi đua của cấp mình.

2. Căn cứ quy định của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh, Công đoàn cấp trên trực tiếp ban hành hướng dẫn hoạt động Khối thi đua của cấp mình cho phù hợp.

Mục 4

SỐ LƯỢNG ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG HÀNG NĂM

Điều 22. Căn cứ vào số lượng công đoàn cơ sở, căn cứ vào số lượng đoàn viên công đoàn hàng năm Liên đoàn Lao động tỉnh khen thưởng và trình khen thưởng như sau:

1. Số lượng đề nghị Tổng Liên đoàn khen thưởng

1.1. Khen toàn diện:

- Tổng số “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn” xét tặng cho Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và Công đoàn cơ sở không quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng số Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và Công đoàn cơ sở được tặng “Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh”.

- Bằng khen của Tổng Liên đoàn

+ Bằng khen cho tập thể không quá 1% (một phần trăm) tổng số Công đoàn cơ sở và Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh

+ Bằng khen cho cá nhân không quá 0,1% (một phần nghìn) tổng số đoàn viên Công đoàn thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh.

1.2. Khen chuyên đề:

Mỗi chuyên đề “Xanh - Sạch - Đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”, “Văn Hóa, Thể thao”, “Giỏi việc nước, Đảm việc nhà”, LĐLĐ tỉnh chỉ xét và

trình Tổng Liên đoàn xét tặng không quá 01 Cờ thi đua, tặng bằng khen cho không quá 02 tập thể và 02 cá nhân.

2. Số lượng Liên đoàn Lao động tỉnh khen thưởng

2.1. Số lượng Cờ của Liên đoàn Lao động tỉnh theo khối:

- Đối với khối thi đua Liên đoàn Lao động các huyện, thành phố bình chọn 01 Cờ thi đua dẫn đầu khối, 01 Cờ thi đua xuất sắc;

- Đối với Khối thi đua Công đoàn ngành, Công đoàn viên chức bình chọn 01 Cờ thi đua dẫn đầu Khối;

2.2. Số Lượng cờ thi đua toàn diện:

Công đoàn cơ sở thuộc LĐLĐ huyện, thành phố, công đoàn ngành, CĐVC 10 cờ (trong đó có 05 cờ giành cho khối công đoàn cơ sở của ngành Giáo dục tính cả trường Cao đẳng cộng đồng).

2. Cờ thi đua chuyên đề: Mỗi chuyên đề toàn tỉnh xét tặng 02 Cờ (Trong đó 01 Cờ giành cho khối công đoàn cơ sở của ngành Giáo dục)

3. Số lượng Bằng khen toàn diện của LĐLĐ tỉnh cho công đoàn cơ sở

3.1. Tập thể: Liên đoàn Lao động tỉnh tặng bằng khen cho mỗi đơn vị không quá 5% tổng số Công đoàn cơ sở quản lý trực tiếp;

3.2. Cá nhân: LĐLĐ tỉnh tặng bằng khen cho mỗi đơn vị không quá 0,5% tổng số cán bộ, đoàn viên quản lý trực tiếp;

4. Số lượng bằng khen chuyên đề

Liên đoàn Lao động tỉnh xét tặng Bằng khen cho các Chuyên đề "Xanh - Sạch - Đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động"; Chuyên đề "Văn hóa, thể thao"; Chuyên đề "Giỏi việc nước, đảm việc nhà" xét không quá 10 bằng khen cho tập thể và 20 bằng khen cho cá nhân (trong đó 05 bằng khen tập thể và 10 cá nhân giành cho khối công đoàn cơ sở của ngành Giáo dục tính cả trường Cao đẳng cộng đồng).

Lưu ý: Tỷ lệ trình khen thưởng 5% đối với tập thể và 0,5% đối với cá nhân đã bao gồm cả tỷ lệ trình Tổng Liên đoàn và LĐLĐ tỉnh.

5. Số lượng khen thưởng tập thể, cá nhân chuyên trách công đoàn

5.1. Đối với tập thể:

- Các ban LĐLĐ tỉnh khen không quá 03 tập thể;

- LĐLĐ các huyện, thành phố, các công đoàn ngành, công đoàn viên chức xét trình theo khối thi đua hoặc chỉ tiêu của đơn vị.

5.2. Đối với cá nhân:

- Bằng khen Tổng Liên đoàn, cán bộ công đoàn chuyên trách thuộc đơn vị nào thì xét trình theo chỉ tiêu đơn vị đó; riêng cán bộ công đoàn chuyên trách thuộc các ban Liên đoàn Lao động tỉnh xét trình Tổng Liên đoàn không quá 04 cá nhân;

- Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh tặng bằng khen không quá 10 cá nhân trong toàn hệ thống.

Mục 5

KÍCH THƯỚC CỜ, BẰNG KHEN VÀ GIẤY KHEN

Điều 23. Kích thước Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh

1. Kích thước: 750mm x 550mm
2. Chất liệu: Vải sa tanh hai lớp màu đỏ.

Điều 24. Kích thước Bằng khen, Giấy khen của Liên đoàn Lao động tỉnh

1. Bằng khen: Kích thước 330mm x 227mm.
2. Giấy khen: Kích thước: 297 mm x 210 mm.

Chương IV

DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CỦA NHÀ NƯỚC ÁP DỤNG BÌNH XÉT KHEN THƯỞNG VÀ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG TRONG TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Điều 25. Đối tượng áp dụng bình xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Nhà nước trong tổ chức Công đoàn

1. Cá nhân: Cán bộ Công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách Công đoàn tỉnh; cán bộ, viên chức, công nhân, lao động làm việc trong các đơn vị sự nghiệp do LĐLĐ tỉnh thành lập (nếu có).

2. Tập thể: Công đoàn cơ sở, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, Liên đoàn Lao động các huyện, thành phố; Công đoàn ngành, Công đoàn Viên chức, các Ban LĐLĐ tỉnh.

Điều 26. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn”, trong đó có 6 năm liên tục đạt chiến sĩ thi đua cơ sở.

2. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải đạt hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc và được Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương xem xét, công nhận, đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đó.

3. Thời điểm xét phong tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn” lần thứ hai.

Điều 27. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn”

1. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn" được xét tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu nhất, được lựa chọn trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở".

2. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn" phải đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng tích cực trong hoạt động Công đoàn ở Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp Liên đoàn Lao động tỉnh, có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đó.

Điều 28. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở"

1. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1.1. Đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

1.2. Có sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý và được ứng dụng để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng và được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận.

Đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, những đề xuất, sáng kiến mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội không thể lượng hóa cụ thể được giá trị bằng tiền, nhưng được Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học của đơn vị đánh giá cao, Thủ trưởng đơn vị xác nhận về hiệu quả của sáng kiến đó thì cũng được coi là sáng kiến cấp cơ sở.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

3. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác (nếu cần thiết).

4. Tỷ lệ cá nhân được xét tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" của cơ quan, đơn vị cơ sở.

Điều 29. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

1. Tiêu chuẩn danh hiệu "Lao động tiên tiến".

1.1. Cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;

b) Chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, của Công đoàn, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

1.2. Công nhân, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc hệ thống Công đoàn đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn;

b) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của tổ chức Công đoàn; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

2. Thời gian để xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

2.1. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

2.2. Cá nhân được cử đi học, bồi dưỡng thời hạn dưới 01 năm, nếu đạt kết quả từ loại khá trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để bình xét danh hiệu thi đua. Các trường hợp đi đào tạo từ 01 năm trở lên, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì năm đó được xếp tương đương danh hiệu "Lao động tiên tiến" để làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác. Trường hợp cá nhân chuyên công tác thì đơn vị mới có trách nhiệm xem xét tặng các danh hiệu thi đua trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ (đối với trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên).

2.3. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến".

3. Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì được xem xét bình bầu danh hiệu "Lao động tiên tiến" do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

4. Không xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" cho trường hợp mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 30. Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ "

Tổng Liên đoàn xét trình Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Lập được thành tích xuất sắc tiêu biểu dẫn đầu Cụm, Khối thi đua của Tổng Liên đoàn.

2. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các qui định của tổ chức Công đoàn.

Số lượng tập thể được đề nghị xét tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" không quá 20% tổng số tập thể được tặng Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn.

Điều 31. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"

1. Các tập thể được xét tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" gồm:

1.1. Các Ban, thuộc cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh;

1.2. Liên đoàn Lao động các huyện, các Công đoàn ngành, Công đoàn viên chức.

2. Tiêu chuẩn Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc":

2.1. Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước và Công đoàn;

2.2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

2.3. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

2.4. Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

2.5. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các qui định của tổ chức Công đoàn.

Điều 32. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến"

Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

3. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các qui định của tổ chức Công đoàn.

Điều 33. Khen thưởng cấp Nhà nước

Liên đoàn Lao động tỉnh xét trình Tổng Liên đoàn xem xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng Bằng khen, Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương, danh hiệu Anh hùng Lao động... cho các tập thể, cá nhân được thực hiện theo quy định tại Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng hiện hành.

Chương V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Điều 34. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên đoàn Lao động tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên đoàn Lao động tỉnh là cơ quan tham mưu, đề xuất cho Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh, về công tác thi đua khen thưởng. Số lượng thành viên tối đa không quá 9 người.

2. Cơ cấu Hội đồng gồm:

2.1. Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh.

2.2. Phó Chủ tịch Hội đồng là các đồng chí Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh.

2.3. Thành viên Hội đồng gồm có đồng chí Trưởng Ban CSPL&QHLD và các thành viên khác do Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh quyết định.

Giao cho Ban CSPL&QHLD làm công tác thi đua khen thưởng của Liên đoàn Lao động tỉnh, là Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng LĐLĐ tỉnh có nhiệm vụ:

3.1. Tham mưu, đề xuất cho Ban Thường vụ phát động các phong trào thi đua trong CNVCLĐ của tỉnh;

3.2. Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong CNVCLĐ theo từng năm và từng giai đoạn;

3.3. Tham mưu cho Ban Thường vụ kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng trong CNVCLĐ;

3.4. Tham mưu cho Ban Thường vụ quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Khi xét hồ sơ đề nghị tặng “Bằng Lao động sáng tạo”, Hội đồng thi đua khen thưởng LĐLĐ tỉnh có thể mời thêm đại diện lãnh đạo sở Khoa học tham gia.

Điều 35. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

1. Hội đồng thi đua - khen thưởng LĐLĐ huyện, thành phố, công đoàn ngành, công đoàn viên chức là bộ phận tham mưu, đề xuất cho Ban thường vụ công đoàn cùng cấp về công tác thi đua khen thưởng. Số lượng thành viên tối đa không quá 7 người.

2. Cơ cấu Hội đồng gồm:

- Chủ tịch hội đồng là Chủ tịch LĐLĐ huyện, thành phố, công đoàn ngành, công đoàn viên chức.

- Phó chủ tịch hội đồng là đồng chí Phó Chủ tịch LĐLĐ huyện, thành phố, công đoàn ngành, công đoàn viên chức.

- Thành viên hội đồng gồm các đồng chí trong Ban thường vụ công đoàn cùng cấp và các thành viên khác do Ban thường vụ quyết định.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng LĐLĐ huyện, thành phố, công đoàn ngành, công đoàn viên chức có nhiệm vụ:

3.1. Tham mưu, đề xuất cho Ban Thường vụ phát động các phong trào thi đua trong CNVCLĐ của công đoàn cùng cấp;

3.2. Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong CNVCLĐ theo từng năm và từng giai đoạn;

3.3. Tham mưu cho Ban Thường vụ kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng trong CNVCLĐ;

3.4. Tham mưu cho Ban Thường vụ quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Chương VI

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH

THỦ TỤC, THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Mục 1

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH

Điều 36. Thẩm quyền của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh.

Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh quyết định khen thưởng:

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động tỉnh”.
2. Bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh.
3. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” cho tập thể, cá nhân ở cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh, Liên đoàn Lao động các huyện, Thành phố, Công đoàn ngành, Công đoàn viên chức.
4. Quyết định tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho các ban LĐLĐ tỉnh, Liên đoàn Lao động các huyện, Thành phố, Công đoàn ngành, Công đoàn Viên chức (theo sự ủy quyền của Đoàn chủ tịch Tổng Liên đoàn).
5. Tặng Bằng khen cho Công đoàn cơ sở và đoàn viên công đoàn thuộc các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (có nhiều đóng góp cho hoạt động công đoàn trên địa bàn tỉnh).

6. Công nhận sáng kiến cấp cơ sở cho cá nhân là cán bộ chuyên trách trong hệ thống Công đoàn tỉnh.

Điều 37. Thẩm quyền của Thủ trưởng Cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh

Thủ trưởng Cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh quyết định tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh.

Điều 38. Thẩm quyền của Ban Thường vụ Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động các huyện, Thành phố, Công đoàn ngành, Công đoàn Viên chức quyết định khen thưởng danh hiệu “Công đoàn cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” và Giấy khen.

Điều 39. Thẩm quyền của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở

Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở quyết định khen thưởng danh hiệu “Đoàn viên Công đoàn xuất sắc”, “Tổ Công đoàn xuất sắc” và Giấy khen.

Điều 40. Thẩm quyền quyết định khen thưởng khác

Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh ủy quyền cho Thường trực Liên đoàn Lao động tỉnh quyết định những trường hợp khen thưởng ngoài quy định tại Quy chế khen thưởng này.

Mục 2

HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VÀ NHÀ NƯỚC

Điều 41. Hồ sơ đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị tặng Cờ thi đua:

1.1. Tờ trình và danh sách đề nghị khen thưởng của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện, thành phố; Công đoàn ngành Công đoàn Viên chức;

1.2. Biên bản bình xét thi đua của Cụm thi đua thuộc LĐLĐ tỉnh;

1.3. Biên bản họp và kết quả bình xét thi đua của Ban Thường vụ LĐLĐ huyện, thành phố, Công đoàn ngành, Công đoàn Viên chức;

1.4. Báo cáo thành tích và tóm tắt thành tích của đơn vị đề nghị có xác nhận của cấp trình khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị tặng Bằng khen

2.1. Tờ trình và danh sách đề nghị khen thưởng của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện, thành phố, Công đoàn ngành, công đoàn Viên chức và Công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn lao động tỉnh;

2.2. Tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng;

2.3. Biên bản cuộc họp và kết quả bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên đoàn Lao động huyện, thành phố; Công đoàn ngành, Công đoàn Viên chức, Công đoàn cơ sở trực thuộc;

2.4. Văn bản công nhận 02 sáng kiến được áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở hoặc Quyết định công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, 02 Quyết định xếp loại cán bộ công chức (áp dụng đối với cá nhân đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Bằng khen).

* Số lượng:

- Số lượng đề nghị Tổng Liên đoàn: 02 bộ.

- Số lượng đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh: 01 bộ.

3. Hồ sơ đề nghị tặng Bằng Lao động sáng tạo

3.1. Tờ trình và danh sách đề nghị khen thưởng của Ban Thường vụ LĐLĐ huyện, thành phố; Công đoàn ngành; Công đoàn Viên chức;

3.2. Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

3.3. Tóm tắt các giải pháp, sáng kiến của các cá nhân được đề nghị tặng Bằng Lao động sáng tạo;

3.4. Biên bản họp và kết quả bình xét;

3.5. Văn bản công nhận giải pháp, sáng kiến gồm:

a) Văn bản công nhận sáng kiến hoặc quyết định công nhận sáng kiến của cấp có thẩm quyền;

b) Bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (nếu có);

c) Biên bản nghiệm thu đề tài Nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, bộ, ngành Trung ương, Nhà nước kèm theo quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu;

d) Văn bản xác nhận hiệu quả kinh tế, xã hội của đơn vị ứng dụng đề tài, sáng kiến.

Điều 42. Hồ sơ đề nghị Tổng Liên đoàn xét trình khen thưởng cấp Nhà nước.

1. Hồ sơ đề nghị xét phong tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh 04 bộ và mỗi bộ gồm có:

1.1. Tờ trình của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh;

1.2. Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị xét phong tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;

1.3. Chứng nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc ý kiến (bằng văn bản) xác nhận của Hội đồng Khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh, bộ, ngành, đoàn thể trung ương đối với đề tài, sáng kiến, giải pháp đem lại hiệu quả thiết thực;

1.4. Biên bản cuộc họp bình xét và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen.

2. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh 04 bộ và mỗi bộ gồm có:

2.1. Tờ trình của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh, kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;

2.2. Báo cáo thành tích của tập thể đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” có xác nhận của cấp trình;

2.3. Biên bản họp xét và kết quả bỏ phiếu kín của Cụm, Khối thi đua;

2.4. Xác nhận của địa phương cấp phường, xã về thực hiện pháp luật, chủ trương chính sách của Nhà nước tại địa phương.

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng Huân chương các loại gồm 05 bộ, mỗi bộ có:

3.1. Tờ trình của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh, kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;

3.2. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

3.3. Biên bản cuộc họp và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên đoàn Lao động tỉnh;

3.4. Trường hợp cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng do có phát minh, sáng chế, sáng kiến phải có xác nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

4. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Băng khen của Thủ tướng Chính phủ” gồm 04 bộ, mỗi bộ có:

4.1. Tờ trình của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;

4.2. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

4.3. Biên bản và kết quả bình xét bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên đoàn Lao động tỉnh.

Ngoài hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện về LĐLĐ tỉnh (*qua Ban CSPL&QHLD*), các đơn vị gửi bản mềm về LĐLĐ tỉnh qua địa chỉ: luonghaldld@gmail.com.

Mục 3

THỜI HẠN TRÌNH KHEN THƯỞNG

Điều 43. Thời hạn trình khen thưởng

Thời hạn trình khen thưởng Nhà nước, Tổng Liên đoàn và Liên đoàn Lao động tỉnh thực hiện như sau:

1. Hồ sơ đề nghị khen toàn diện và khen chuyên đề (tổng kết năm) gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh (*qua Ban CSPL&QHLD*) trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo năm học gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh (*qua Ban CSPL&QHLD*) trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng Bằng Lao động sáng tạo gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh (*qua Ban CSPL&QHLD*) trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Chương VII

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG, MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 44. Nguồn hình thành Quỹ thi đua, khen thưởng gồm:

- Trích từ Tài chính Công đoàn theo quy định của Tổng Liên đoàn;
- Từ nguồn tài trợ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân;
- Các khoản hỗ trợ của cơ quan quản lý, chính quyền các cấp.

Điều 45. Tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Cách tính mức tiền thưởng.

1.1. Mức tiền thưởng cho tập thể, cá nhân kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng trong hệ thống Công đoàn được tính như sau: Mức tiền lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định khen thưởng nhân với hệ số theo quy định và được làm tròn số lên hàng chục nghìn đồng tiền Việt Nam;

1.2. Hệ số mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được quy định cụ thể (*có bảng phụ lục đính kèm*).

2. Cấp chi tiền thưởng.

Công đoàn cấp nào ban hành quyết định khen thưởng thì cấp đó có trách nhiệm chi tiền thưởng kèm theo quyết định khen thưởng.

3. Tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

3.1. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

3.2. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì nhận mức tiền thưởng của các danh hiệu thi đua;

3.3. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Thu hồi và huỷ bỏ các hình thức khen thưởng

1. Cá nhân, tập thể gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng sẽ bị huỷ bỏ quyết định khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc tập thể, cá nhân kê khai gian dối để được khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định huỷ bỏ quyết định khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị huỷ bỏ quyết định gồm:

a. Tờ trình của cấp trình khen thưởng;

b. Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền huỷ bỏ quyết định khen thưởng.

Điều 47. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế Khen thưởng của tổ chức Công đoàn ban hành theo Quyết định số 152/QĐ-LĐLĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh Lai Châu.

2. Bãi bỏ những quy định trước đây trái với Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Công đoàn các cấp phản ánh kịp thời về Liên đoàn Lao động tỉnh để xem xét giải quyết.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thiện



Phụ lục 1

HỆ SỐ MỨC TIỀN THƯỞNG KÈM THEO DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

TT	Danh hiệu thi đua	Hệ số tiền thưởng
1	Chiến Sỹ thi đua toàn quốc	4,5
2	Chiến Sỹ thi đua Tổng Liên đoàn	3,0
3	Chiến Sỹ thi đua cơ sở	1,0
4	Tập thể lao động xuất sắc	1,5
5	Tập thể lao động tiên tiến	0,8
6	Lao động tiên tiến	0,3
7	Cờ thi đua của Chính phủ	12,0
8	Cờ thi đua TLD: + Toàn diện + Chuyên đề	8,0
		4,0
9	Cờ thi đua LĐLĐ tỉnh + Toàn diện + Chuyên đề	4,0
		2,0
10	HC Sao vàng + Cá nhân + Tập thể	46,0
		92,0
11	HC Hồ Chí Minh + Cá nhân + Tập thể	30,5
		61,0
12	HC Độc lập hạng Nhất + Cá nhân + Tập thể	15,0
		30,0
13	HC Độc lập hạng Nhì + Cá nhân + Tập thể	12,5
		25,0
14	HC Độc lập hạng Ba + Cá nhân + Tập thể	10,5
		21,0
15	HC Lao động hạng Nhất + Cá nhân + Tập thể	9,0
		18,0
16	HC Lao động hạng Nhì + Cá nhân + Tập thể	7,5
		15,0
17	HC Lao động hạng Ba + Cá nhân + Tập thể	4,5
		9,0
18	BK Thủ tướng Chính phủ + Cá nhân + Tập thể	3,5
		7,0
Bảng khen Tổng Liên đoàn		
19	BK toàn diện + Cá nhân + Tập thể	1,0
		2,0
20	BK chuyên đề + Cá nhân + Tập thể	0,7
		1,4
Bảng khen Liên đoàn Lao động tỉnh		
21	BK toàn diện + Cá nhân + Tập thể	0,5
		1,0

22	BK chuyên đề + Cá nhân + Tập thể	0,4
		0,8
23	Bằng Lao động sáng tạo	1,3
24	Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn”	0,6
Giấy khen của Công đoàn cấp trên cơ sở		
25	+ Cá nhân + Tập thể	0,3
		0,6
Giấy khen của Công đoàn cơ sở		
26	+ Cá nhân + Tập thể	0,15
		0,3

Phụ lục
MẪU VĂN BẢN HỒ SƠ, THỦ TỤC
ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Mẫu số 01	Tờ trình đề nghị Tổng Liên đoàn khen thưởng
Mẫu số 02	Danh sách tập thể, cá nhân đề nghị Tổng Liên đoàn khen thưởng
Mẫu số 03	Tóm tắt thành tích tập thể, cá nhân đề nghị Tổng Liên đoàn khen thưởng
Mẫu số 04	Báo cáo thành tích đề nghị tặng Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn
Mẫu số 05	Tóm tắt thành tích đề nghị tặng Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn
Mẫu số 06	Đăng ký thi đua
Mẫu số 07	Báo cáo thành tích đề nghị tặng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua và Bằng khen của Tổng Liên đoàn; Tập thể Lao động xuất sắc; Giấy khen đối với tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác
Mẫu số 08	Báo cáo thành tích đề nghị tặng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc; Chiến sỹ thi đua, Bằng khen của Tổng Liên đoàn và Giấy khen đối với cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác
Mẫu số 09	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng theo đợt thi đua hoặc theo chuyên đề (cho tập thể, cá nhân)

Lai Châu, ngày.....tháng.....năm...

TỜ TRÌNH
Về việc khen thưởng

Kính gửi: Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh Lai Châu

Căn cứ Quy chế Khen thưởng của tổ chức Công đoàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số ... của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh.

Ban Thường vụ LĐLĐ huyện, TP (CĐ)..... đã đánh giá thành tích xuất sắc đạt được trong hoạt động Công đoàn và thực hiện các phong trào thi đua của địa phương (ngành) năm....

Ban Thường vụ LĐLĐ huyện, TP (CĐ)..... đề nghị Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh xem xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân sau:

1. Tặng Cờ thi đua năm cho...tập thể (hoặc Cờ chuyên đề về cho.....) :

- Công đoàn cơ sở;
- Công đoàn cấp trên cơ sở.

2. Tặng Bằng khen tập thể và cá nhân.

(Hoặc Tặng Bằng khen về chuyên đề cho tập thể và cá nhân).

(có danh sách kèm theo)

Ban Thường vụ đảm bảo thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng là đúng thực tế.

Kính trình Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh xem xét quyết định.

Hồ sơ kèm theo tờ trình gồm:

- Danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng ... bản.
- Báo cáo thành tích của tập thể đề nghị tặng Cờ bản.
- Tóm tắt thành tích (danh sách trích ngang) của các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng ... bản.
- Các văn bản khác (....).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Ban

TM. BAN THƯỜNG VỤ
(ký tên, đóng dấu)

DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ TLĐ KHEN THƯỞNG NĂM....
(Đính kèm Tờ trình số.../TTr-.....)

I. CỜ THI ĐUA:

1.....

2.....

.....

II. BẢNG KHEN:

A. Tập thể:

1.....

2.....

B. Cá nhân:

1.....

2.....

.....

Lưu ý: Ghi rõ ràng, không viết tắt, chỉ ghi chức và chức vụ Công đoàn và chức vụ Đảng, chính quyền cao nhất.

.....

TÓM TẮT THÀNH TÍCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ TLĐ, LĐLĐ TỈNH KHEN THƯỞNG NĂM
(Đính kèm Tờ trình số/TTr.....)

I. TẬP THỂ:

TT	Tên tập thể đề nghị khen thưởng	Tóm tắt thành tích <i>(Chỉ ghi những thành tích tiêu biểu; ghi rõ danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đạt được liên tục 3 năm trước thời điểm đề nghị khen thưởng)</i>	Hình thức đề nghị khen thưởng
1			

II. CÁ NHÂN:

TT	Họ và tên, năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Tóm tắt thành tích <i>(Chỉ ghi những thành tích tiêu biểu; Một số sáng kiến tiêu biểu; ghi rõ danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đạt được liên tục 3 năm trước thời điểm đề nghị khen thưởng)</i>	Hình thức đề nghị khen thưởng
1				

TM. BAN THƯỜNG VỤ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20..

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TỔNG LIÊN ĐOÀN TẶNG BẰNG LAO ĐỘNG SÁNG TẠO
Năm.....

Họ và tên: ngày, tháng, năm sinh..... Nam (nữ)....

Quê quán:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Chức vụ, đơn vị công tác.....

Tổng số đề tài khoa học....., giải pháp sáng kiến

Tổng số tiền làm lợitriệu đồng,

Tổng số tiền được thưởng:..... triệu đồng.

Những năm đã được Bằng LĐST: năm....., năm..... .

I. Mô tả giải pháp sáng kiến, đề tài khoa học: *(Mô tả từng giải pháp, đề tài)*

1. Mô tả ngắn gọn những ưu, khuyết điểm của tình trạng kỹ thuật hoặc tổ chức sản xuất đang được áp dụng tại cơ quan, đơn vị. Cần chỉ rõ đặc điểm cần phải khắc phục.

2. Mô tả giải pháp sáng kiến:

- Thuyết minh tính mới của của giải pháp: *(mô tả ngắn gọn đầy đủ và rõ ràng, chú ý nêu rõ các nội dung cải tiến, sáng tạo).*

- Khả năng áp dụng: Giải pháp đã được áp dụng tại đại phương, đơn vị nào? hoặc chứng minh khả năng áp dụng trong điều kiện kinh tế kỹ thuật tại cơ quan đơn vị.

- Hiệu quả kinh tế - xã hội của đề tài, giải pháp, sáng kiến sáng tạo: Cần so sánh với những giải pháp tương tự, giá trị kinh tế đem lại sau khi áp dụng giải pháp, đề tài, sáng kiến so với trước đó. (Kèm theo Quyết định hoặc giấy chứng nhận công nhận giải pháp, đề tài của cấp có thẩm quyền; bản vẽ, sơ đồ, ảnh... để minh họa)

II. Thành tích hoạt động Công đoàn:

- Nêu ngắn gọn những công việc, kết quả đạt được khi thực hiện nhiệm vụ của Công đoàn giao.

- Các danh hiệu, hình thức được khen thưởng.

XÁC NHẬN CBCS
(Ký tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI VIẾT BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN LĐLĐ HUYỆN, TP, CĐN
(Ký tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN LĐLĐ TỈNH
(Áp dụng đối với khen TLD)

TÓM TẮT THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ
TỔNG LIÊN ĐOÀN TẶNG BẰNG LAO ĐỘNG SÁNG TẠO NĂM...
(Đính kèm Tờ trình số.....)

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ, đơn vị công tác	Số giải pháp, đề tài	- Tiền làm lợi. - Tiền thưởng	Tóm tắt nội dung giải pháp, đề tài	Năm đã đạt Bằng LĐST
----	---	----------------------------	--	---------------------------------------	-------------------------

TM. BAN THƯỜNG VỤ
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý: Tóm tắt nội dung giải pháp, đề tài cần nêu tóm tắt một số nội dung cơ bản sau:

- Tên giải pháp, đề tài.
- Tính cấp thiết đưa ra giải pháp, đề tài,
- Trước khi đưa ra giải pháp, đề tài,
- Giải pháp, đề tài,
- Tính mới, tính sáng tạo của giải pháp, đề tài,
- Hiệu quả kinh tế, xã hội,
- Đã được các giải thưởng (tên giải thưởng, đơn vị tổ chức, ngày, tháng năm được trao giải).
- Số, ngày, tháng, năm, đơn vị ban hành văn bản công nhận đề tài sáng kiến, hiệu quả của sáng kiến, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến...

ĐĂNG KÝ THI ĐUA NĂM.....

Kính gửi: Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh Lai Châu

Căn cứ thành tích đạt được của tập thể, cá nhân thực hiện phong trào thi đua yêu nước và xây dựng tổ chức Công đoàn năm 20...

Căn cứ chương trình công tác của LĐLĐ huyện, TP (CĐ)năm 201...
Ban Thường vụ LĐLĐ huyện (CĐ) ... đăng ký thi đua năm 20... cụ thể như sau:

1. Tập thể:

Có.....% Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, Công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động ...(CĐ)... Đạt danh hiệu CĐCS xuất sắc.

Liên đoàn Lao động... (CĐ) ...đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc năm 20...

Đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng thưởng Cờ thi đua năm 201... cho:

+..... Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở;

+..... Công đoàn cơ sở.

Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh tặng thưởng Cờ thi đua năm 201... cho:

+..... Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở;

+..... Công đoàn cơ sở.

2. Cá nhân:

Có.....% cán bộ chuyên trách Công đoàn thuộc LĐLĐ...(CĐ)... đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, trong đó có 15 % đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Cócá nhân đề nghị Tổng Liên đoàn xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn.

Trên đây là đăng ký thi đua của Kính đề nghị Ban Thường vụ Liên đoàn theo dõi giúp đỡ để đơn vị thực hiện tốt chỉ tiêu đăng ký thi đua trên. Trân trọng.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ KHEN.....²**

(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)

Tên tập thể đề nghị

(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể¹.

2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số ngày tháng năm 201.... của Chính phủ.

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước⁴.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước³.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể⁵.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG⁶

1. Danh hiệu thi đua;

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH
KHEN THƯỞNG**
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

¹ Báo cáo thành tích 25 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Sao vàng, 10 năm đối với Huân chương Hồ Chí Minh, 10 năm đối với Huân chương Độc lập, Huân chương Quân công, 05 năm đối với Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huân chương Lao động; 05 năm đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 01 năm đối với Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua cấp Bộ, cấp tỉnh và Giấy khen; 01 năm đối với Tập thể lao động xuất sắc và Bằng khen cấp Bộ, cấp tỉnh.

² Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng.

³ Đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh cần nêu tình hình tài chính: Tổng số vốn cố định, lưu động; nguồn vốn (ngân sách, tự có, vay ngân hàng...).

⁴ Tùy theo hình thức đề nghị khen thưởng, nêu các tiêu chí cơ bản trong việc, thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị (có so sánh với năm trước hoặc 03 năm, 05 năm trước thời điểm đề nghị), ví dụ:

- Đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội; thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động... việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm (có trích lục và nội dung xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

- Đối với trường học: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số học sinh, hạnh kiểm và kết quả học tập; số học sinh giỏi cấp trường, cấp huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), cấp tỉnh (thành phố thuộc Trung ương), cấp quốc gia; số giáo viên giỏi các cấp; số đề tài nghiên cứu,...

- Đối với bệnh viện: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số người khám, chữa bệnh; tổng số người được điều trị nội, ngoại trú; tổng số giường bệnh đưa vào sử dụng; số người được khám, điều trị bệnh, chữa bệnh miễn phí; số đề tài nghiên cứu khoa học, các sáng kiến, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi về kinh tế, xã hội...).

⁵ Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; hoạt động xã hội, từ thiện...

⁶ Công tác xây dựng đảng, đoàn thể: Nêu vai trò, kết quả hoạt động và xếp loại của tổ chức đảng, đoàn thể (kèm theo giấy chứng nhận hoặc quyết định công nhận).

⁷ Nêu các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng đã được Đảng, Nhà nước, bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tinh (thành phố), ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG.....²

(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với cá nhân)

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):
- Sinh ngày, tháng, năm: Giới tính:.....
- Quê quán³:.....
- Trú quán:
- Đơn vị công tác:
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:
2. Thành tích đạt được của cá nhân⁴:

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG⁵

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng;

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

¹ Báo cáo thành tích 10 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Độc lập, Huân chương Quân công, 05 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huân chương Lao động; 05 năm đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 06 năm đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc,

03 năm đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ, cấp tỉnh; 02 năm đối với Bằng khen cấp bộ, cấp tỉnh; 01 năm đối với Chiến sỹ thi đua cơ sở và Giấy khen.

• Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng.

• Đơn vị hành chính: Xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).

• Nêu thành tích cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao (kết quả đã đạt được về năng suất, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; các biện pháp, giải pháp công tác trong việc đổi mới công tác quản lý, những sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học; việc đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào thực tiễn; việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; công tác bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; vai trò của cá nhân trong công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể; công tác tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện...).

- Đối với cán bộ làm công tác quản lý nêu tóm tắt thành tích của đơn vị, riêng thủ trưởng đơn vị kinh doanh lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội; thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động... việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm (có trích lục và nội dung xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

- Đối với trường học: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số học sinh, hạnh kiểm và kết quả học tập; số học sinh giỏi cấp trường, cấp huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), cấp tỉnh (thành phố thuộc Trung ương), cấp quốc gia; số giáo viên giỏi các cấp; số đề tài nghiên cứu,...

- Đối với bệnh viện: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số người khám, chữa bệnh; tổng số người được điều trị nội, ngoại trú; tổng số giường bệnh đưa vào sử dụng; số người được khám, điều trị bệnh, chữa bệnh miễn phí; số đề tài nghiên cứu khoa học, các sáng kiến, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi về kinh tế, xã hội...).

- Đối với các hội đoàn thể, lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác trọng tâm và các chương trình công tác của trung ương hội, đoàn thể giao.

- Đối với các cơ quan quản lý nhà nước, lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trong quản lý nhà nước, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và công tác tham mưu cho lãnh đạo trong phát triển đơn vị, ngành, địa phương...

• Nếu các hình thức khen thưởng đã được Đảng, Nhà nước, bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tặng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).

- Ghi rõ số quyết định công nhận danh hiệu thi đua trong 05 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ v.v...

- Đối với đề nghị phong tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”:

+ Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định của 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, thành phố thuộc trung ương” và 06 lần đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” trước thời điểm đề nghị;

+ Ghi rõ nội dung các sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp hữu ích trong quản lý, công tác hoặc đề tài nghiên cứu (tham gia là thành viên hoặc chủ nhiệm đề tài khoa học), có ý kiến xác nhận của Hội đồng sáng kiến, khoa học cấp bộ, cấp tỉnh (ghi rõ văn bản, ngày, tháng, năm) hoặc phải có giấy chứng nhận của Hội đồng kèm theo hồ sơ.

- Đối với báo cáo đề nghị phong tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, thành phố thuộc Trung ương” ghi rõ thời gian 03 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở” trước thời điểm đề nghị; các sáng kiến được cấp có thẩm quyền công nhận.

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG.....

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đối với đơn vị: Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức; chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo thành tích phải căn cứ vào mục tiêu (nhiệm vụ), các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng, hiệu quả... đã được đăng ký trong đợt phát động thi đua hoặc chuyên đề thi đua; các biện pháp, giải pháp đạt được thành tích xuất sắc, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội, dẫn đầu phong trào thi đua; những kinh nghiệm rút ra trong đợt thi đua....

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

